

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23/11/2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi;

Căn cứ Văn bản số 3095/BNN-TCTL ngày 08/5/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1473/SNN-TL ngày 30/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác

công trình thủy lợi Bình Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi – Bộ NN&PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPVX;
- Lưu: VT, K10

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

KẾ HOẠCH**Nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng
trong lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / 7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Thực hiện Quyết định số 1117/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi; Văn bản số 3095/BNN-TCTL ngày 08/5/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông về việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Nâng cao năng lực của hệ thống khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi, bảo đảm đủ công cụ, thiết bị quan trắc theo quy định hiện hành, từng bước nâng cấp tự động hóa, bảo đảm phục vụ công tác quản lý, vận hành, phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống lũ, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, giám sát chất lượng nước trong công trình thủy lợi đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Yêu cầu

Mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng phải được xây dựng phù hợp với quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường Quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/1/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc tăng cường mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng phải có tính kế thừa, tận dụng và phát huy tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật và đội ngũ quan trắc viên hiện có; sửa chữa, nâng cấp hoặc đầu tư xây dựng mới các trạm, điểm quan trắc phải tập trung, tránh dàn trải, đáp ứng đủ nhu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản lý, vận hành hệ thống thủy lợi và các nhu cầu có liên quan khác.

Hệ thống thu thập, truyền tải và chia sẻ dữ liệu quan trắc là hệ thống mở, đủ điều kiện bổ sung, nâng cấp và hoàn thiện, bảo đảm thông suốt từ trung ương đến địa phương theo sự quản lý thống nhất của cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng yêu

cầu vận hành công trình thủy lợi, phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, ô nhiễm nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

Việc đầu tư lắp đặt thiết bị, hiện đại hóa mạng lưới được thực hiện từng bước, phù hợp với nhu cầu sử dụng và nguồn lực đầu tư; khuyến khích đa dạng hóa hình thức đầu tư, kết hợp được giữa Nhà nước, doanh nghiệp và tư nhân.

II. NHIỆM VỤ, NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Nhiệm vụ chủ yếu

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Phối hợp với Tổng cục Thủy lợi xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi.

2. Nội dung công việc

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khí tượng thủy văn chuyên dùng

Phối hợp với Tổng cục Thủy lợi điều tra thu thập hiện trạng hệ thống khí tượng thủy văn chuyên dùng; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi.

Duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên ngành.

b) Hoàn thiện mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, bao gồm việc quan trắc tự động

Bổ sung, nâng cấp các trạm đo khí tượng thủy văn chuyên dùng thủ công cho tất cả các công trình thủy lợi có yêu cầu phải quan trắc các chỉ tiêu về khí tượng, thủy văn chuyên dùng.

Lắp đặt các trạm quan trắc tự động khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định.

c) Tăng cường năng lực quản lý, khai thác mạng lưới Khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi

Xây dựng bộ phận chuyên trách có đủ kiến thức chuyên môn về tin học, kiến thức chuyên ngành để cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu, khai thác mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng đáp ứng yêu cầu cung cấp dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ cán bộ quản lý cơ sở dữ liệu, khai thác mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện Kế hoạch

Từ năm 2020-2030

2. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm; nguồn cấp cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, nguồn thu sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác; nguồn vốn đầu tư phát triển thông qua các dự án đầu tư xây dựng công trình; nguồn kinh phí bảo trì công trình; nguồn quỹ phòng chống thiên tai và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Lộ trình thực hiện

a) Đến hết năm 2020: Điều tra, khảo sát hiện trạng hạ tầng hệ thống khí tượng thủy văn chuyên dùng thủy lợi, cập nhật số liệu làm cơ sở để xây dựng dữ liệu khí tượng thủy văn chuyên dùng.

b) Giai đoạn từ năm 2021 - 2025: Tổ chức, phối hợp Tổng cục Thủy lợi xây dựng khung cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn chuyên dùng; bổ sung, nâng cấp các trạm đo khí tượng thủy văn thủ công cho tất cả các công trình thủy lợi có yêu cầu phải quan trắc; lắp đặt các trạm quan trắc khí tượng thủy văn tự động cho 65 công trình hồ chứa loại lớn trên địa bàn tỉnh; tăng cường năng lực quản lý, khai thác mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi.

c) Giai đoạn từ năm 2026 - 2030: Hoàn thiện lắp đặt các trạm quan trắc tự động cho các hồ chứa loại vừa và nhỏ; các công trình thủy lợi khác có yêu cầu quan trắc và các khu vực khô hạn ngoài phạm vi công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục I, II kèm theo)

4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn UBND cấp huyện, đơn vị khai thác công trình thủy lợi và các cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch theo đúng tiến độ. Định kỳ trước ngày 20/12 hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Sở Tài chính: Chủ trì, cân đối nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thủy lợi thực hiện thường xuyên hàng năm để thực hiện tăng cường hệ thống khí tượng, thủy văn chuyên dùng.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Đề xuất lồng ghép việc hiện đại hóa hệ thống khí tượng, thủy văn chuyên dùng vào các chương trình, dự án.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và kết nối với hệ thống thông tin điện tử của mạng lưới khí tượng thủy văn quốc gia.

d) Trên cơ sở Kế hoạch này, cơ quan được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng đề cương, dự toán kinh phí, nguồn vốn và thời gian thực hiện từng nội

dung công việc được giao, trình cấp thẩm quyền trực tiếp quản lý xem xét, quyết định để làm cơ sở triển khai thực hiện.

e) UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan nghiêm túc tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ trước ngày 10/12 hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục I:
KÈ HOẠCH NÂNG CAO NĂNG LỰC QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DÙNG
TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

TT	Nội dung nhiệm vụ	Tổ chức thực hiện		Sản phẩm chính	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện
		Chủ trì	Phối hợp			
I	Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khí tượng thủy văn chuyên dùng					
1	Điều tra, khảo sát hiện trạng hạ tầng hệ thống khí tượng thủy văn (KTTV) chuyên dùng thủy lợi	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND cấp huyện, Công ty TNHH Khai thác CTTL Bình Định (Công ty)	Báo cáo	Chi thường xuyên ngân sách tỉnh.	2020
2	Phối hợp với Tổng cục Thủy lợi xây dựng khung cơ sở dữ liệu (CSDL), kết nối với CSDL của ngành khí tượng thủy văn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tổng cục Thủy lợi, UBND cấp huyện, Công ty, Chủ thể khai thác	Báo cáo	Chi thường xuyên ngân sách tỉnh; nguồn quỹ phòng chống thiên tai.	2021- 2025
3	Duy trì và cập nhật CSDL KTTV chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi, kết nối với CSDL chuyên ngành và liên ngành	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND cấp huyện, Công ty	CSDL KTTV được cập nhật, kết nối	Chi thường xuyên ngân sách tỉnh; nguồn quỹ phòng chống thiên tai.	2026-2030
II	Hoàn thiện mạng lưới quan trắc KTTV chuyên dùng, bao gồm việc quan trắc tự động					
1	Bổ sung, nâng cấp các trạm đo KTTV chuyên ngành thủ công cho tất cả các công trình thủy lợi có yêu cầu phải quan trắc.			Các trạm KTTV chuyên ngành thủ công		
a)	Đối với công trình trong giai đoạn đầu tư xây dựng mới, nâng cấp	Chủ đầu tư xây dựng công trình	Sở Nông nghiệp và PTNT, Chủ thể khai thác		Vốn đầu tư xây dựng công trình	Trước khi đưa vào sử dụng
b)	Đối với công trình đang khai thác					
	Công trình phân cấp UBND cấp huyện quản lý	UBND cấp huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT, Chủ thể khai thác		Nguồn kinh phí bảo trì công trình,	2021-2025
	Công trình Công ty đang khai thác	Công ty	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính		Nguồn kinh phí bảo trì công trình	2021-2025

TT	Nội dung nhiệm vụ	Tổ chức thực hiện		Sản phẩm chính	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện
		Chủ trì	Phối hợp			
2	Lắp đặt các trạm quan trắc KTTV tự động cho các hồ chứa nước thủy lợi loại lớn			Các trạm quan trắc KTTV tự động		
a)	Đối với các hồ chứa nước loại lớn <i>(chi tiết tại phụ lục II kèm theo)</i>	UBND cấp huyện/ Công ty	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Chủ thể khai thác		Chi thường xuyên ngân sách tỉnh, quỹ phòng chống thiên tai, cấp bù thủy lợi phí.	2021-2025
b)	Đối với các hồ chứa nước trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư sửa chữa, nâng cấp	Chủ đầu tư xây dựng công trình	Sở Nông nghiệp và PTNT, Chủ thể khai thác		Vốn đầu tư xây dựng công trình	Trước khi đưa vào sử dụng
3	Lắp đặt các trạm quan trắc KTTV tự động cho các hồ chứa nước thủy lợi loại vừa và nhỏ; các công trình thủy lợi khác có yêu cầu phải quan trắc; khu vực khô hạn ngoài phạm vi công trình thủy lợi	UBND cấp huyện/ Công ty	Sở Nông nghiệp và PTNT, Chủ thể khai thác	Các trạm quan trắc KTTV tự động	Nguồn kinh phí bảo trì công trình, quỹ phòng chống thiên tai, cấp bù thủy lợi phí.	2026-2030
III	Tăng cường năng lực quản lý, khai thác mạng lưới KTTV chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi					
1	Xây dựng bộ phận chuyên trách quản lý cơ sở dữ liệu và khai thác mạng lưới KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh (bao gồm các trạm quan trắc KTTV phục vụ phòng chống thiên tai)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn phòng BCH phòng chống thiên tai tỉnh, UBND cấp huyện, Công ty	Quyết định thành lập của cấp thẩm quyền	Chi thường xuyên ngân sách tỉnh, quỹ phòng chống thiên tai	2020-2021
2	Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ cán bộ quản lý cơ sở dữ liệu, khai thác mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn phòng BCH phòng chống thiên tai tỉnh, UBND cấp huyện, Công ty	Cán bộ được đào tạo, tập huấn.	Chi thường xuyên ngân sách tỉnh, quỹ phòng chống thiên tai	2021-2025

Phụ lục II:
KÈ HOẠCH LẬP ĐẶT CÁC TRẠM QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DÙNG TỰ ĐỘNG
CHO CÁC HỒ CHỨA THỦY LỢI LOẠI LỚN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm theo xã	Địa điểm theo huyện	Đo mưa tự động trên lưu vực		Đo mưa tự động tại công trình đầu mối		Đo mực nước hồ tự động		Đo mực nước công tự động		Đo mực nước tràn tự động		Đo chất lượng nước hồ tự động		Đo lưu lượng tự động tại các nhánh suối lớn vào hồ	
				Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Sông Vó	An Tân	An Lão	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025
2	Mỹ Bình	Hoài Hảo	Hoài Nhơn	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025
3	Hồ Giang	Hoài Châu	Hoài Nhơn	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025
4	Hóc Cau	Hoài Đức	Hoài Nhơn	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025
5	Cây Khế	Hoài Mỹ	Hoài Nhơn	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025
6	Văn Khánh Đức	Hoài Đức	Hoài Nhơn	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025
7	An Đổ	Hoài Sơn	Hoài Nhơn	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025
8	Suối Mới	Hoài Châu	Hoài Nhơn	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025
9	Phú Thuận	Ân Đức	Hoài Ân	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025
10	Mỹ Đức	Ân Mỹ	Hoài Ân	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025
11	Kim Sơn	Ân Nghĩa	Hoài Ân	K	2022-2025	C		K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
12	Thạch Khê	Ân Tường	Hoài Ân	K	2022-	C		K	2022-	K	2022-	K	2022-	K	2025	K	2022-

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm theo xã	Địa điểm theo huyện	Đo mưa tự động trên lưu vực		Đo mưa tự động tại công trình đầu mối		Đo mực nước hồ tự động		Đo mực nước công tự động		Đo mực nước tràn tự động		Đo chất lượng nước hồ tự động		Đo lưu lượng tự động tại các nhánh suối lớn vào hồ	
				Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
					2025				2025		2025		2025				2025
13	An Đôn	Ân Phong	Hoài Ân	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
14	Đá Bàn	Ân Phong	Hoài Ân	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
15	Hóc Mỹ	Ân Hữu	Hoài Ân	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
16	Phú Hà	Mỹ Đức	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
17	Hội Khánh	Mỹ Hoà	Phù Mỹ	K	2022-2025	C		K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
18	Vạn Định	Mỹ Lộc	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
19	Diêm Tiêu	Mỹ Trinh	Phù Mỹ	K	2022-2025	C		K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
20	Đại Sơn	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
21	Chí Hòa 2	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
22	Cây Sung	Mỹ Lộc	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
23	Hóc Nhạn	Mỹ Thọ	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
24	Suối Sỏ	Mỹ Phong	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
25	Trình Vân	Mỹ Trinh	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
26	Trung Sơn	Mỹ Trinh	Phù Mỹ	K	2022-	K	2022-	K	2022-	K	2022-	K	2022-	K	2025	K	2022-

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm theo xã	Địa điểm theo huyện	Đo mưa tự động trên lưu vực		Đo mưa tự động tại công trình đầu mối		Đo mực nước hồ tự động		Đo mực nước công tự động		Đo mực nước tràn tự động		Đo chất lượng nước hồ tự động		Đo lưu lượng tự động tại các nhánh suối lớn vào hồ	
				Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
					2025		2025		2025		2025		2025				2025
27	Chòi Hiền	Mỹ Chánh Tây	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
28	Hóc Mít	Mỹ Chánh Tây	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
29	Đập Lôi	Mỹ Hoà	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
30	Tây Dầu	Mỹ Hoà	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
31	Giao Hội	Hoài Tân	Hoài Nhơn	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
32	Đá Bàn	Mỹ An	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
33	Ông Rỗng	Mỹ Hoà	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
34	Tường Sơn	Cát Tường	Phù Cát	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
35	Mỹ Thuận	Cát Hưng	Phù Cát	K	2022-2025	C		K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
36	Hóc Cau	Cát Hanh	Phù Cát	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
37	Thạch Bàn	Cát Sơn	Phù Cát	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
38	Chánh Hùng	Cát Thành	Phù Cát	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
39	Tân Thắng	Cát Hải	Phù Cát	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
40	An Tường	Mỹ Lộc	Phù Mỹ	K	2022-	K	2022-	K	2022-	K	2022-	K	2022-	K	2025	K	2022-

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm theo xã	Địa điểm theo huyện	Đo mưa tự động trên lưu vực		Đo mưa tự động tại công trình đầu mối		Đo mực nước hồ tự động		Đo mực nước công tự động		Đo mực nước tràn tự động		Đo chất lượng nước hồ tự động		Đo lưu lượng tự động tại các nhánh suối lớn vào hồ	
				Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
					2025		2025		2025		2025		2025				2025
41	Hồ Xoài	Cát Tài	Phù Cát	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
42	Bờ Sề	Cát Hanh	Phù Cát	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
43	Hóc Xeo	Cát Khánh	Phù Cát	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
44	Đại Ân	Cát Nhơn	Phù Cát	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
45	Cây Da	Phước Thành	Tuy Phước	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
46	Cây Thích	Phước Thành	Tuy Phước	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
47	Hóc Ké	Phước An	Tuy Phước	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
48	Hòn Gà	Bình Thành	Tây Sơn	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
49	Cây Sung	Bình Tường	Tây Sơn	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
50	Núi Một	Nhơn Tân	An Nhơn	K	2021-2025	C		C		K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2021-2025
51	Thuận Ninh	Bình Tân	Tây Sơn	K	2021-2024	C		K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2021-2024
52	Hội Sơn	Cát Sơn	Phù Cát	K	2021-2024	C		K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2021-2024
53	Suối Tre	Cát Lâm	Phù Cát	K	2021-2025	K	2021-2025	K	2021-2025	K	2021-2025	K	2021-2025	K	2025	K	2021-2025
54	Long Mỹ	Phước Mỹ	Tuy Phước	K	2021-	C		K	2021-	K	2021-	K	2021-	K	2025	K	2021-

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm theo xã	Địa điểm theo huyện	Đo mưa tự động trên lưu vực		Đo mưa tự động tại công trình đầu mối		Đo mực nước hồ tự động		Đo mực nước công tự động		Đo mực nước tràn tự động		Đo chất lượng nước hồ tự động		Đo lưu lượng tự động tại các nhánh suối lớn vào hồ	
				Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện	Hiện trạng	Thời gian thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
					2025				2025		2025		2025				2025
55	Định Bình	Vĩnh Hảo	Vĩnh Thạnh	K	2022-2025	C		C		K	2022	K	2022	K	2025	K	2024
56	Hòn Lập	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh	K	2023-2025	C		K	2023-2025	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2025	K	2023-2025
57	Hà Nhe	Vĩnh Hòa	Vĩnh Thạnh	K	2023-2025	C		K	2023-2025	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2025	K	2023-2025
58	Quang Hiến	Canh Hiến	Vân Canh	K	2021-2025	C		K	2021-2025	K	2021-2025	K	2021-2025	K	2025	K	2021-2025
59	Vạn Hội	Ân Tín	Hoài Ân	K	2021-2024	K	2021-2024	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2021-2024
60	Cần Hậu	Hoài Sơn	Hoài Nhơn	K	2023-2025	C		K	2023-2025	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2025	K	2023-2025
61	Tà Niêng	Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2025	K	2023-2025
62	Suối Đuốc	Canh Hiệp	Vân Canh	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2023-2025	K	2025	K	2023-2025
63	Trong Thượng	An Trung	An Lão	K	2021-2025	C		K	2021-2025	K	2021-2025	K	2021-2025	K	2025	K	2021-2025
64	Ông Lành	Canh Vinh	Vân Canh	K	2021-2025	K	2021-2025	K	2021-2025	K	2021-2025	K	2021-2025	K	2025	K	2021-2025
65	Hóc Hòm	Mỹ Châu	Phù Mỹ	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2022-2025	K	2025	K	2022-2025
	Hiện trạng đã có			0/65		15/65		2/65		0/65		0/65		0/65		0/65	

Chú thích:

- K: không, C : đã có